

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 32

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0302018927 sửa đổi lần thứ 16 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 8 năm 2017.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch STK theo Quyết định số 410/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2015.

Công ty hiện có hai dự án đầu tư:

- Xưởng sản xuất sợi tơ tổng hợp hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 41221000029 do Ban Quản lý các khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 7 năm 2007. Thời gian hoạt động của dự án đến ngày 31 tháng 12 năm 2048.
- Nhà máy sản xuất sợi tơ tổng hợp POY, DTY, FDY – Chi nhánh Trảng Bàng hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 0380478317 thay đổi lần thứ 11 do Ban Quản lý Khu Kinh tế Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 4 tháng 12 năm 2017. Thời gian hoạt động của dự án là 44 (bốn mươi bốn năm), kể từ ngày 26 tháng 6 năm 2009.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu B1-1, Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, nhà máy chi nhánh Trảng Bàng tại Đường số 8, Khu Công nghiệp Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam và một văn phòng đại diện ở địa chỉ 102-104-106 Bàu Cát, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện hành là sản xuất sợi tổng hợp và dệt kim.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Triệu Hòa	Chủ tịch
Ông Đặng Hướng Cường	Thành viên
Bà Đặng Mỹ Linh	Thành viên
Ông Lee Chien Kuan	Thành viên
Ông Thái Tuấn Chí	Thành viên
Bà Cao Thị Quế Anh	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Tự Lực	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh	Thành viên
Ông Lê Anh Tuấn	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Triệu Hòa	Tổng Giám đốc
Ông Lu Yen Kun	Giám đốc Sản xuất và Công nghệ
Bà Nguyễn Phương Chi	Giám đốc Bộ phận Phát triển chiến lược
Ông Phan Như Bích	Giám đốc tài chính

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đặng Triệu Hòa.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Số tham chiếu: 60867230/19357103

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ ("Công ty") được lập ngày 16 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 32, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

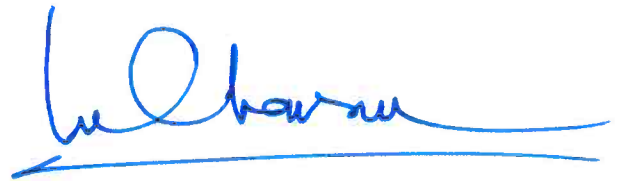
Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 16 tháng 3 năm 2018 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Nam Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3021-2014-004-1



Từ Thái Sơn
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1543-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 16 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		611.894.918.963	593.657.811.816
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	116.546.806.032	86.637.311.128
111	1. Tiền		10.246.806.032	9.884.712.462
112	2. Các khoản tương đương tiền		106.300.000.000	76.752.598.666
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		69.617.117.791	84.741.864.840
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	56.914.886.934	36.719.143.552
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	4.592.640.316	1.289.186.094
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	8.108.519.162	46.576.017.071
139	4. Tài sản thiếu chờ xử lý		1.071.379	157.518.123
140	III. Hàng tồn kho	8	399.379.313.955	402.420.168.845
141	1. Hàng tồn kho		401.784.875.885	403.994.067.970
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.405.561.930)	(1.573.899.125)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		26.351.681.185	19.858.467.003
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	5.184.408.462	4.074.684.623
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	16	20.024.597.658	14.521.690.334
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	1.142.675.065	1.262.092.046
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.366.666.842.985	1.430.895.124.879
220	I. Tài sản cố định		1.207.760.772.930	1.349.914.446.050
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	1.207.027.542.005	1.348.937.044.886
222	Nguyên giá		1.936.273.688.548	1.931.172.253.031
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(729.246.146.543)	(582.235.208.145)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	733.230.925	977.401.164
228	Nguyên giá		14.385.298.205	13.834.916.387
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(13.652.067.280)	(12.857.515.223)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		920.649.895	1.270.570.841
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	920.649.895	1.270.570.841
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	107.050.400.000	39.992.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con	12.1	80.000.000.000	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	12.2	27.050.400.000	39.992.000.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		50.935.020.160	39.718.107.988
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	47.664.488.488	38.860.691.933
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.2	3.270.531.672	857.416.055
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.978.561.761.948	2.024.552.936.695

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.199.891.718.708	1.329.444.394.078
310	I. Nợ ngắn hạn		732.355.214.479	677.575.039.500
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	307.455.221.651	251.139.261.848
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	39.684.873.401	11.844.476.440
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	6.186.423.340	833.892.156
314	4. Phải trả người lao động		23.825.789.965	11.319.155.059
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	8.748.411.266	6.268.721.972
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	3.695.538.774	4.225.136.422
320	7. Vay ngắn hạn	19	341.027.532.282	390.503.012.476
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.731.423.800	1.441.383.127
330	II. Nợ dài hạn		467.536.504.229	651.869.354.578
338	1. Vay dài hạn	19	467.173.155.962	651.520.236.400
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn		363.348.267	349.118.178
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		778.670.043.240	695.108.542.617
410	I. Vốn chủ sở hữu	20.1	778.670.043.240	695.108.542.617
411	1. Vốn cổ phần		599.377.980.000	535.160.240.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		599.377.980.000	535.160.240.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		35.297.435.379	35.297.435.379
418	3. Quỹ đầu tư và phát triển		1.219.011.000	1.219.011.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		142.775.616.861	123.431.856.238
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		43.159.309.038	94.832.763.121
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		99.616.307.823	28.599.093.117
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.978.561.761.948	2.024.552.936.695

Người lập
Phan Thanh Phú

Kế toán trưởng
Phan Như Bích

Tổng Giám đốc
Đặng Triệu Hòa

Ngày 16 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng	21.1	2.008.604.207.131	1.379.413.135.868
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	(19.550.988.418)	(21.128.320.643)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	21.1	1.989.053.218.713	1.358.284.815.225
11	4. Giá vốn hàng bán		(1.772.497.810.804)	(1.229.541.663.657)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		216.555.407.909	128.743.151.568
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	8.019.159.617	836.897.162
22	7. Chi phí tài chính	22	(29.770.129.745)	(29.522.120.130)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(27.469.431.784)	(16.375.957.696)
25	8. Chi phí bán hàng	23	(31.716.965.079)	(25.486.719.366)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(58.658.950.149)	(45.153.648.459)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		104.428.522.553	29.417.560.775
31	11. Thu nhập khác		1.037.122.440	1.523.601.310
32	12. Chi phí khác		(465.117.216)	(272.899.967)
40	13. Lợi nhuận khác		572.005.224	1.250.701.343
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		105.000.527.777	30.668.262.118
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(7.797.335.571)	(60.005.312)
52	16. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	26.2	2.413.115.617	(2.009.163.689)
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		99.616.307.823	28.599.093.117

Người lập
Phan Thanh Phú

Kế toán trưởng
Phan Như Bích

Tổng Giám đốc
Đặng Triệu Hòa

Ngày 16 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		105.000.527.777	30.668.262.118
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định		147.805.490.455	123.092.808.467
03	Các khoản dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		831.662.805	(427.220.951)
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(948.230.039)	10.086.549.611
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(5.197.807.556)	(1.107.374.420)
06	Chi phí lãi vay	22	27.469.431.784	16.375.957.696
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		274.961.075.226	178.688.982.521
09	Giảm các khoản phải thu		7.333.687.305	1.519.572.619
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		2.209.192.085	(45.822.643.331)
11	Tăng các khoản phải trả		103.374.330.997	93.613.692.052
12	Tăng chi phí trả trước		(9.913.520.394)	(334.593.570)
13	Tiền lãi vay đã trả		(27.332.177.028)	(22.548.507.208)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(4.601.424.693)	(1.217.328.650)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		178.416.225	286.213.439
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(460.785.617)	(1.981.677.313)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		345.748.794.106	202.203.710.559
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(5.301.896.389)	(296.844.759.707)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		-	454.545.454
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(67.058.400.000)	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi		5.156.027.000	652.828.966
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(67.204.269.389)	(295.737.385.287)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		954.340.729.582	973.722.643.159
34	Tiền trả nợ gốc vay		(1.187.062.923.255)	(777.200.193.466)
36	Cổ tức đã trả cho các cổ đông	20.2	(15.911.728.555)	(23.093.312.750)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(248.633.922.228)	173.429.136.943

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0302018927 sửa đổi lần thứ 16 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 8 năm 2017.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch STK theo Quyết định số 410/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2015.

Công ty hiện có hai dự án đầu tư:

- Xưởng sản xuất sợi tơ tổng hợp hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 41221000029 do Ban Quản lý các khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 7 năm 2007. Thời gian hoạt động của dự án đến ngày 31 tháng 12 năm 2048.
- Nhà máy sản xuất sợi tơ tổng hợp POY, DTY, FDY – Chi nhánh Trảng Bàng hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 0380478317 thay đổi lần thứ 11 do Ban Quản lý Khu Kinh tế Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 4 tháng 12 năm 2017. Thời gian hoạt động của dự án là 44 (bốn mươi bốn năm), kể từ ngày 26 tháng 6 năm 2009.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu B1-1, Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, nhà máy chi nhánh Trảng Bàng tại Đường số 8, Khu Công nghiệp Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam và một văn phòng đại diện ở địa chỉ 102-104-106 Bàu Cát, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện hành là sản xuất sợi tổng hợp và dệt kim.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.085 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 989).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đề ngày 16 tháng 3 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|---------------------------|---|---|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch thu tiền thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch thu tiền thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	4 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	2 - 15 năm
Phương tiện vận tải	4 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy vi tính	4 - 5 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Công Nghiệp – Thương Mại Củ Chi vào ngày 3 tháng 7 năm 2000 trong thời hạn 50 năm và Công ty Phát triển hạ tầng KCN Tây Ninh vào ngày 21 tháng 7 năm 2009 trong thời hạn 45 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng để hình thành tài sản nhưng chưa được đưa vào sử dụng tại ngày kết thúc năm tài chính.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá trị khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc năm tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm tài chính cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty áp dụng hướng dẫn tại Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 để hạch toán các nghiệp vụ bằng ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch ("tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình"). Tỷ giá xấp xỉ này có chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông của Công ty khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định trên giá trị thuần có thể thực hiện được từ các khoản đã thu hoặc phải thu, không bao gồm các khoản chiết khấu. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm tài chính sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	21.191.594	96.921.894
Tiền gửi ngân hàng	10.225.614.438	9.787.790.568
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>106.300.000.000</u>	<u>76.752.598.666</u>
TỔNG CỘNG	<u>116.546.806.032</u>	<u>86.637.311.128</u>

(*) Đây là các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại có thời hạn không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất có thể áp dụng.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ các bên khác	53.995.517.033	29.266.060.386
- Công ty TNHH Gain Lucky Việt Nam	12.760.392.958	4.991.453.917
- Y.R.C. Textile Co., Ltd	8.388.896.476	-
- Jatec Co., Ltd	3.794.453.619	4.984.735.593
- Công ty TNHH Formosa Taffeta Việt Nam	5.675.943.099	3.567.572.124
- Các khách hàng khác	23.375.830.881	15.722.298.752
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	<u>2.919.369.901</u>	<u>7.453.083.166</u>
TỔNG CỘNG	<u>56.914.886.934</u>	<u>36.719.143.552</u>

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Starlinger & Co. Gesellschaft m.b.H	3.690.810.000	-
Công ty TNHH Cơ Khí Thiết bị Công nghiệp Tam Sơn	376.000.000	376.000.000
Các đối tượng khác	<u>525.830.316</u>	<u>913.186.094</u>
TỔNG CỘNG	<u>4.592.640.316</u>	<u>1.289.186.094</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi hộ	6.689.715.781	45.961.835.781
Bảo hiểm xã hội	1.371.988.301	482.462.489
Phải thu khác	46.815.080	131.718.801
TỔNG CỘNG	8.108.519.162	46.576.017.071
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	6.689.715.781	45.961.835.781
<i>Các bên khác</i>	1.418.803.381	614.181.290

8. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thành phẩm	227.824.914.132	(2.405.561.930)	261.341.902.253	(1.573.899.125)
Nguyên vật liệu	125.701.412.789	-	103.625.705.123	-
Hàng mua đang đi trên đường	46.984.650.564	-	34.986.551.496	-
Hàng gửi đi bán	1.273.898.400	-	4.039.909.098	-
TỔNG CỘNG	401.784.875.885	(2.405.561.930)	403.994.067.970	(1.573.899.125)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(1.573.899.125)	(2.001.120.076)
<i>Cộng:</i> Dự phòng trích lập trong năm	(831.662.805)	-
<i>Trừ:</i> Hoàn nhập dự phòng trích lập trong năm	-	427.220.951
Số cuối năm	(2.405.561.930)	(1.573.899.125)

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	268.654.209.911	1.483.662.789.391	174.063.527.649	4.791.726.080	1.931.172.253.031
Mua mới	1.927.223.291	2.751.473.897	-	-	4.678.697.188
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	422.738.329	-	-	422.738.329
Số cuối năm	270.581.433.202	1.486.837.001.617	174.063.527.649	4.791.726.080	1.936.273.688.548
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	28.495.410.884	75.114.950.435	14.593.313.159	166.208.678	118.369.883.156
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	(94.480.247.498)	(434.680.397.092)	(51.690.008.008)	(1.384.555.547)	(582.235.208.145)
Khấu hao trong năm	(14.045.794.096)	(112.525.840.918)	(19.271.119.853)	(1.168.183.531)	(147.010.938.398)
Số cuối năm	(108.526.041.594)	(547.206.238.010)	(70.961.127.861)	(2.552.739.078)	(729.246.146.543)
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	174.173.962.413	1.048.982.392.299	122.373.519.641	3.407.170.533	1.348.937.044.886
Số cuối năm	162.055.391.608	939.630.763.607	103.102.399.788	2.238.987.002	1.207.027.542.005
Trong đó:					
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 19.2)	107.211.612.296	878.321.217.454	110.818.228.126	2.809.970.571	1.099.161.028.447

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

		VND
		<i>Phần mềm máy vi tính</i>
Nguyên giá:		
Số đầu năm		13.834.916.387
Mua trong năm		<u>550.381.818</u>
Số cuối năm		<u>14.385.298.205</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Đã hao mòn hết</i>		113.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế:		
Số đầu năm		(12.857.515.223)
Hao mòn trong năm		<u>(794.552.057)</u>
Số cuối năm		<u>(13.652.067.280)</u>
Giá trị còn lại:		
Số đầu năm		<u>977.401.164</u>
Số cuối năm		<u>733.230.925</u>

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

		VND	
		<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Máy móc thiết bị		206.488.895	487.397.986
Mua tài sản khác		<u>714.161.000</u>	<u>783.172.855</u>
TỔNG CỘNG		<u>920.649.895</u>	<u>1.270.570.841</u>

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

		VND	
		<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư vào công ty con (<i>Thuyết minh số 12.1</i>)		80.000.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết (<i>Thuyết minh số 12.2</i>)		<u>27.050.400.000</u>	<u>39.992.000.000</u>
TỔNG CỘNG		<u>107.050.400.000</u>	<u>39.992.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc VND
Công ty Cổ phần Unitex	100	80.000.000.000	-	-
TỔNG CỘNG		80.000.000.000		-

Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm Unitex ("Unitex") tiền thân là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 452033000336 do Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 29 tháng 6 năm 2015 và Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp ("GCNDKDN") số 3901206611 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 29 tháng 6 năm 2015.

Hoạt động kinh doanh chính theo Giấy chứng nhận Đầu tư của Unitex là sản xuất xơ sợi, vải thành phẩm. Unitex có trụ sở chính tọa lạc tại lô A17.1, đường C1, Khu Công Nghiệp Thành Thành Công, xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Vào ngày 20 tháng 10 năm 2017, Unitex đã nhận được GCĐKDN điều chỉnh lần 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp, cho phép chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp thành công ty trách nhiệm hữu hạn và đổi tên thành Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm Unitex.

Vào ngày kết thúc năm tài chính, Unitex đang trong giai đoạn chuẩn bị xây dựng và phát triển dự án.

12.2 Đầu tư vào các công ty liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc VND
Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm Unitex	-	-	49,99	39.992.000.000
Công ty Cổ phần E.DYE Việt Nam	36,00	27.050.400.000	-	-
TỔNG CỘNG		27.050.400.000		39.992.000.000

Công ty Cổ phần E.DYE Việt Nam ("E.DYE") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0314352362 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 4 năm 2017. Hoạt động chính theo Giấy chứng nhận Đăng ký Đầu tư của E.DYE là thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn, phân phối bán lẻ hàng hóa. E.DYE có trụ sở chính đăng ký tại số 102-104-106 đường Bàu Cát, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Vào ngày kết thúc năm tài chính, E.DYE đang trong giai đoạn hoàn thành thủ tục pháp lý để thực hiện dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	5.184.408.462	4.074.684.623
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.125.693.176	2.854.294.038
Chi phí thuê xe	358.304.000	471.350.000
Khác	1.700.411.286	749.040.585
Dài hạn	47.664.488.488	38.860.691.933
Tiền thuê đất (quyền sử dụng đất) (*)	38.961.255.966	27.854.506.567
Khác	8.703.232.522	11.006.185.366
TỔNG CỘNG	52.848.896.950	42.935.376.556

(*) Như được trình bày trong Thuyết minh số 19.2, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tainan Spinning Co., Ltd	140.857.284.610	108.482.214.080
Indorama Polychem Indonesia	109.598.268.000	69.814.612.400
Far Eastern New Century Corporation	27.068.894.065	32.533.466.305
Các đối tượng khác	29.930.774.976	40.308.969.063
TỔNG CỘNG	307.455.221.651	251.139.261.848

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Dệt Nhuộm Nam Phương	10.622.780.129	-
Treasure Star International Limited	6.434.026.383	1.825.014.922
Công ty TNHH Eclat Fabric Việt Nam	4.508.343.878	2.196.150.454
Universal Star Corporation	2.073.597.673	4.681.361.757
Các đối tượng khác	16.046.125.338	3.141.949.307
TỔNG CỘNG	39.684.873.401	11.844.476.440

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/ cán trừ trong năm	Số cuối năm
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	7.628.333.843	(4.601.424.693)	3.026.909.150
Thuế xuất, nhập khẩu	123.874.059	20.540.814.780	(17.522.742.670)	3.141.946.169
Thuế thu nhập cá nhân	270.778.539	1.703.616.528	(1.956.827.046)	17.568.021
Thuế giá trị gia tăng	439.239.558	245.929.353.788	(246.368.593.346)	-
TỔNG CỘNG	833.892.156	275.802.118.939	(270.449.587.755)	6.186.423.340
	Số đầu năm	Số phải thu trong năm	Số đã cán trừ trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	14.521.690.334	279.116.724.361	(273.613.817.037)	20.024.597.658
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.261.601.294	-	(168.510.975)	1.093.090.319
Thuế thu nhập cá nhân	-	4.132.185	-	4.132.185
Khác	490.752	1.053.563.149	(1.008.601.340)	45.452.561
TỔNG CỘNG	15.783.782.380	280.174.419.695	(274.790.929.352)	21.167.272.723

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí tiện ích	5.243.126.003	2.970.867.032
Chi phí hoa hồng bán hàng	2.033.163.242	1.982.783.992
Chi phí lãi vay	1.292.214.449	1.154.959.693
Chi phí khác	179.907.572	160.111.255
TỔNG CỘNG	8.748.411.266	6.268.721.972

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức	346.226.145	203.147.500
Bảo hiểm xã hội	2.150.454.078	740.231.074
Chi phí khác	1.198.858.551	3.281.757.848
TỔNG CỘNG	3.695.538.774	4.225.136.422

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY

	Số phát sinh trong năm		Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Số cuối năm
	Tăng	Giảm		
Ngắn hạn				VND
Các khoản vay ngân hàng	298.400.145.976	(1.058.996.508.917)	(171.762.630)	180.335.015.691
Vay dài hạn đến hạn trả	92.102.866.500	(128.066.414.338)	(319.546.289)	160.692.516.591
	390.503.012.476	(1.187.062.923.255)	(491.308.919)	341.027.532.282
Dài hạn				
Các khoản vay ngân hàng	651.520.236.400	(196.975.610.718)	(609.058.040)	467.173.155.962
TỔNG CỘNG	1.042.023.248.876	(1.384.038.533.973)	(1.100.366.959)	808.200.688.244

19.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Các khoản vay tín chấp từ các ngân hàng được thực hiện nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, chịu lãi suất dao động từ 2% đến 2,5% (đối với dư nợ ngoại tệ) và từ 3,6% đến 4,8%/năm (đối với dư nợ VND). Chỉ tiết được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Giá trị gốc	Kỳ hạn trả gốc
	VND	USD	
Ngân hàng TNHH CTBC	45.355.115.291	-	Từ ngày 7 tháng 1 năm 2018 đến ngày 13 tháng 3 năm 2018
Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam	67.158.854.850	2.962.455	Từ ngày 14 tháng 2 năm 2018 đến ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	53.442.031.300	2.357.390	Từ ngày 20 tháng 1 năm 2018 đến ngày 25 tháng 2 năm 2018
Ngân Hàng TMCP Phương Đông Việt Nam	14.379.014.250	634.275	Từ ngày 8 tháng 6 năm 2018 đến ngày 13 tháng 6 năm 2018
TỔNG CỘNG	180.335.015.691	5.954.120	

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng chịu lãi suất dao động từ 2,25% đến 3,10% (đối với dư nợ ngoại tệ) và 5,2% (đối với dư nợ VND). Chi tiết của khoản vay dài hạn từ ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Giá trị gốc	Kỳ hạn trả gốc	Hình thức đảm bảo
	VND	Đô la Mỹ		
Ngân hàng TNHH CTBC	171.914.166.818	7.583.333	Từ ngày 1 tháng 3 năm 2018 đến ngày 1 tháng 3 năm 2021	Tài sản hình thành từ khoản vay, bao gồm toàn bộ máy móc và thiết bị nhập khẩu (dùng trong giai đoạn 4 của dự án Trắng Bàng)
	13.237.588.320	-	Từ ngày 5 tháng 6 năm 2019 đến ngày 5 tháng 12 năm 2022	Tài sản hình thành từ khoản vay, bao gồm toàn bộ máy móc và thiết bị nhập khẩu (dùng trong giai đoạn 5 của dự án Trắng Bàng)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	408.003.381.675	17.997.503	Từ ngày 20 tháng 4 năm 2018 đến ngày 20 tháng 10 năm 2021	Tài sản hình thành từ khoản vay, bao gồm quyền sử dụng đất và máy móc thiết bị tại Chi nhánh Trắng Bàng, tỉnh Tây Ninh
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	34.710.535.740	1.531.122	Từ ngày 3 tháng 4 năm 2018 đến ngày 3 tháng 1 năm 2019	Tài sản hình thành từ khoản vay, bao gồm toàn bộ máy móc và thiết bị nhập khẩu (dùng trong giai đoạn 2 của dự án Trắng Bàng)
TỔNG CỘNG	627.865.672.553	27.111.958		
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	160.692.516.591	7.088.333		
Vay dài hạn	467.173.155.962	20.023.625		

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước:					
Số đầu năm	465.358.350.000	35.297.435.379	1.219.011.000	187.902.570.621	689.777.367.000
Tăng vốn	69.801.890.000	-	-	(69.801.890.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	28.599.093.117	28.599.093.117
Cổ tức công bố	-	-	-	(23.267.917.500)	(23.267.917.500)
Số cuối năm	535.160.240.000	35.297.435.379	1.219.011.000	123.431.856.238	695.108.542.617
Năm nay:					
Số đầu năm	535.160.240.000	35.297.435.379	1.219.011.000	123.431.856.238	695.108.542.617
Tăng vốn (*)	64.217.740.000	-	-	(64.217.740.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	99.616.307.823	99.616.307.823
Cổ tức công bố (*)	-	-	-	(16.054.807.200)	(16.054.807.200)
Số cuối năm	599.377.980.000	35.297.435.379	1.219.011.000	142.775.616.861	778.670.043.240

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017 ngày 28 tháng 3 năm 2017 và các Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 05/2017/NQHĐQT, 06/2017/NQHĐQT ngày 19 tháng 6 năm 2017 và ngày 26 tháng 6 năm 2017, phê duyệt tỷ lệ cổ tức bằng tiền là 3% mệnh giá cổ phiếu (tương đương 300 VND/cổ phiếu) và bằng cổ phiếu tỷ lệ 12% vốn cổ phần (tương đương 64.217.740.000 VND).

Vào ngày 31 tháng 7 năm 2017, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 6.421.774 cổ phiếu phổ thông cho cổ đông hiện hữu để trả cổ tức và tăng vốn cổ phần từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Theo đó, vốn cổ phần của Công ty là 599.377.980.000 VND theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 16 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 8 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm nay	VND Năm trước
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu năm	535.160.240.000	465.358.350.000
Tăng trong năm	64.217.740.000	69.801.890.000
Số cuối năm	<u>599.377.980.000</u>	<u>535.160.240.000</u>
Cổ tức đã công bố	(80.272.547.200)	(93.069.807.500)
Cổ tức đã trả bằng tiền	(15.911.728.555)	(23.093.312.750)
Cổ tức đã trả bằng cổ phiếu	(64.217.740.000)	(69.801.890.000)

20.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Cổ phiếu đã được duyệt	59.937.798	599.377.980.000	53.516.024	535.160.240.000
Cổ phiếu đã phát hành				
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	59.937.798	599.377.980.000	53.516.024	535.160.240.000
Cổ phiếu phổ thông	59.937.798	599.377.980.000	53.516.024	535.160.240.000
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	59.937.798	599.377.980.000	53.516.024	535.160.240.000

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng

	Năm nay	VND Năm trước
Doanh thu gộp	2.008.604.207.131	1.379.413.135.868
<i>Trừ:</i>		
Hàng bán bị trả lại	(19.178.795.586)	(21.128.320.643)
Giảm giá hàng bán	(372.192.832)	-
Doanh thu thuần	<u>1.989.053.218.713</u>	<u>1.358.284.815.225</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. DOANH THU (tiếp theo)

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	5.197.807.556	652.828.966
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.873.122.022	184.068.196
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	948.230.039	-
TỔNG CỘNG	<u>8.019.159.617</u>	<u>836.897.162</u>

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	27.469.431.784	16.375.957.696
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.300.697.961	3.059.612.823
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	10.086.549.611
TỔNG CỘNG	<u>29.770.129.745</u>	<u>29.522.120.130</u>

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Phí vận chuyển	16.297.673.130	13.060.068.912
Phí phát hành thư tín dụng (L/C), chứng từ xuất khẩu	7.958.454.845	5.618.197.173
Chi phí hoa hồng bán hàng	4.973.842.492	4.984.358.206
Chi phí khác	2.486.994.612	1.824.095.075
TỔNG CỘNG	<u>31.716.965.079</u>	<u>25.486.719.366</u>

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	30.034.011.704	20.071.295.386
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.890.516.389	11.119.215.073
Chi phí phụ tùng, vật phẩm	5.335.100.608	4.008.415.559
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	4.107.944.097	5.557.254.898
Chi phí khác	5.291.377.351	4.397.467.543
TỔNG CỘNG	<u>58.658.950.149</u>	<u>45.153.648.459</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.277.702.888.743	859.359.407.673
Chi phí dịch vụ mua ngoài	261.930.669.527	205.695.292.662
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định (Thuyết minh số 9 và 10)	147.805.490.455	123.092.808.467
Chi phí nhân công	127.112.507.371	86.969.683.783
Chi phí khác	48.322.169.936	25.064.838.897
TỔNG CỘNG	<u>1.862.873.726.032</u>	<u>1.300.182.031.482</u>

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Đối với Văn phòng chính Củ Chi, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Đối với Chi nhánh Trảng Bàng, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận đầu tư điều chỉnh do Ban Quản lý Khu Công nghiệp tỉnh Tây Ninh cấp ngày 6 tháng 9 năm 2016. Theo đó, Công ty được hưởng ưu đãi thuế (thuế suất 10%) trong vòng mười lăm (15) năm kể từ năm trước (năm 2016). Công ty được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm kể từ khi dự án đi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% thuế TNDN trong chín (9) năm tiếp theo.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do vậy, việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN năm nay	7.845.003.744	60.005.312
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những kỳ trước	<u>(47.668.173)</u>	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành (Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	<u>7.797.335.571</u> <u>(2.413.115.617)</u>	<u>60.005.312</u> <u>2.009.163.689</u>
TỔNG CỘNG	<u>5.384.219.954</u>	<u>2.069.169.001</u>

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm tài chính khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	105.000.527.777	30.668.262.118
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	13.105.008.570	2.533.442.847
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Các khoản chi phí không được khấu trừ	322.294.968	357.515.375
Ưu đãi thuế ở Chi nhánh Trắng Bàng	(7.995.415.411)	(2.005.859.893)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa trong những năm trước	(47.668.173)	-
Ảnh hưởng đến thuế thu nhập hoãn lại do thay đổi thuế suất	-	1.184.070.672
Chi phí thuế TNDN	5.384.219.954	2.069.169.001

26.2 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	VND			
	<u>Bảng cân đối kế toán riêng</u>		<u>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</u>	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Lợi nhuận chưa thực hiện	-	-	-	(1.193.660.139)
Chi phí phải trả	401.876.509	393.956.539	7.919.970	(615.984.896)
Trích trước tiền nghỉ phép năm	2.306.301.659	105.362.551	2.200.939.108	(83.379.236)
Trợ cấp thôi việc phải trả	73.994.250	69.823.636	4.170.614	(3.866.914)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	481.112.386	314.779.825	166.332.561	(85.444.190)
Khác biệt trong việc ghi nhận doanh thu xuất khẩu	-	-	-	2.130.120
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	7.246.868	(26.506.496)	33.753.364	(28.958.434)
	3.270.531.672	857.416.055		
Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng			2.413.115.617	(2.009.163.689)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần E.DYE Việt Nam	Công ty liên kết	Góp vốn	27.050.400.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Liên An	Bên liên quan	Bán hàng	48.958.162.296	98.856.751.422
Công ty TNHH P.A.N Châu Á	Bên liên quan	Bán hàng	22.617.112.045	4.065.122.685

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, khoản phải thu từ bên liên quan như sau:

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu khách hàng (Thuyết minh số 5)</i>				
Công ty TNHH P.A.N Châu Á	Bên liên quan	Bán hàng	2.919.369.901	922.123.711
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Liên An	Bên liên quan	Bán hàng	-	6.530.959.455
			2.919.369.901	7.453.083.166

Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)

Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm Unitex	Công ty con	Chi hộ	6.689.715.781	45.961.835.781
------------------------------------	-------------	--------	---------------	----------------

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

VND		
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Ban Tổng Giám đốc	3.197.975.348	4.545.155.066
Hội đồng Quản trị	540.000.000	540.000.000
Ban Kiểm soát	96.000.000	96.000.000
TỔNG CỘNG	3.833.975.348	5.181.155.066

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	857.580.000	1.160.930.000
Từ 1 đến 5 năm	1.362.000.000	1.362.000.000
Trên 5 năm	10.413.625.000	10.754.125.000
TỔNG CỘNG	12.633.205.000	13.277.055.000

29. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

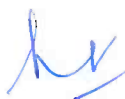
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ: Đô la Mỹ (USD)	208.537	332.765

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Người lập
Phan Thanh Phú



Kế toán trưởng
Phan Như Bích



Tổng Giám đốc
Đặng Triệu Hòa

Ngày 16 tháng 3 năm 2018